

Số: 10 /2018/QĐ-UBND

Thái Bình, ngày 21 tháng 9 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định quản lý viên chức trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh Thái Bình ban hành kèm theo Quyết định số 03/2015/QĐ-UBND ngày 05/3/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Luật Viên chức ngày 15/11/2010;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang; số 29/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; số 56/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 về đánh giá và phân loại cán bộ, công chức, viên chức; số 88/2017/NĐ-CP ngày 27/7/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 56/2015/NĐ-CP; số 101/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 996/TTr-SNV ngày 19/7/2018 và Báo cáo số 1280/BC-SNV ngày 30/8/2018.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định quản lý viên chức trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh Thái Bình ban hành kèm theo Quyết định số 03/2015/QĐ-UBND ngày 05 tháng 3 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh, như sau:

1. Sửa đổi Điểm a, b, Khoản 2, Điều 1 như sau:

“a) Viên chức làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập chưa được giao quyền tự chủ, nằm trong tổng số người làm việc được Hội đồng nhân dân tỉnh giao hằng năm, trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý trực tiếp;

b) Viên chức làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập chưa được giao quyền tự chủ, nằm trong tổng số người làm việc được Hội đồng nhân dân tỉnh giao hằng năm, trực thuộc các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố quản lý trực tiếp.”

2. Bổ sung Điểm a1 vào Khoản 1 Điều 4 như sau:

“a1) Cho ý kiến về chủ trương xét tuyển đặc cách viên chức và công nhận kết quả xét tuyển đặc cách viên chức”.

3. Sửa đổi Điểm d, Khoản 3, Điều 4 như sau:

“d) Quyết định tuyển dụng viên chức; Quyết định tuyển dụng đặc cách viên chức sau khi có Văn bản công nhận kết quả xét tuyển đặc cách của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.”

4. Sửa đổi Điểm d, Khoản 4, Điều 4 như sau:

“d) Quyết định tuyển dụng đặc cách sau khi có Văn bản công nhận kết quả xét tuyển đặc cách của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.”

5. Sửa đổi Điểm g, h, i, Khoản 1, Điều 5 như sau:

“g) Quyết định nâng bậc lương trước thời hạn đối với viên chức thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý sau khi có ý kiến của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; quyết định nâng bậc lương trước thời hạn đối với viên chức diện Ban Cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý; quyết định nâng bậc lương thường xuyên và phụ cấp thâm niên vượt khung đối với viên chức diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ban Cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý;

h) Quyết định nâng bậc lương thường xuyên và phụ cấp thâm niên vượt khung, nâng bậc lương trước thời hạn đối với viên chức giữ chức danh nghề nghiệp hạng I, hạng II (hưởng lương viên chức loại A2);

i) Quyết định bổ nhiệm, xếp lương chức danh nghề nghiệp đối với viên chức hạng II (hưởng lương viên chức loại A2) khi viên chức chuyển từ chức danh nghề nghiệp này sang chức danh nghề nghiệp khác cùng hạng; quyết định bổ nhiệm, xếp lương chức danh nghề nghiệp từ hạng III lên hạng II (hưởng lương viên chức loại A2).”

6. Sửa đổi Điểm c, d, đ, e, Khoản 2, Điều 5 như sau:

“c) Thẩm định hồ sơ xét chuyển chức danh nghề nghiệp đối với viên chức từ chức danh nghề nghiệp này sang chức danh nghề nghiệp khác cùng hạng II (hưởng lương viên chức loại A2);

d) Thỏa thuận nâng bậc lương trước thời hạn đối với viên chức giữ chức danh nghề nghiệp hạng II (hưởng lương viên chức loại A1), hạng III, hạng IV;

đ) Cho ý kiến để Giám đốc sở, Thủ trưởng ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố bổ nhiệm, xếp lương chức danh nghề nghiệp đối với viên chức khi tuyển dụng không qua tập sự, khi hoàn thành thời gian tập sự; viên chức giữ chức danh nghề nghiệp hạng II (hưởng lương viên chức loại A1), hạng III, hạng IV;

e) Quyết định bổ nhiệm, xếp lương chức danh nghề nghiệp đối với viên chức giữ chức danh nghề nghiệp hạng II (hưởng lương viên chức loại A1), hạng III, hạng IV khi thăng hạng chức danh nghề nghiệp hoặc chuyển từ chức danh nghề nghiệp này sang chức danh nghề nghiệp khác cùng hạng.”

7. Sửa đổi Điểm b, c, d, Khoản 3, Điều 5 như sau:

“b) Quyết định nâng bậc lương thường xuyên và phụ cấp thâm niên vượt khung đối với viên chức giữ chức danh nghề nghiệp hạng II (hưởng lương viên chức loại A1), hạng III, hạng IV;

c) Quyết định nâng bậc lương trước thời hạn đối với viên chức giữ chức danh nghề nghiệp hạng II (hưởng lương viên chức loại A1), hạng III, hạng IV;

d) Quyết định bổ nhiệm, xếp lương chức danh nghề nghiệp đối với viên chức khi tuyển dụng không qua tập sự, khi hoàn thành thời gian tập sự; viên chức giữ chức danh nghề nghiệp hạng II (hưởng lương viên chức loại A1), hạng III, hạng IV;”

8. Sửa đổi Điểm b, c, d, Khoản 4, Điều 5 như sau:

“b) Quyết định nâng bậc lương thường xuyên và phụ cấp thâm niên vượt khung đối với viên chức giữ chức danh nghề nghiệp hạng II (hưởng lương viên chức loại A1), hạng III, hạng IV;

c) Quyết định nâng bậc lương trước thời hạn đối với viên chức giữ chức danh nghề nghiệp hạng II (hưởng lương viên chức loại A1), hạng III, hạng IV;

d) Quyết định bổ nhiệm, xếp lương chức danh nghề nghiệp đối với viên chức hoàn thành thời gian tập sự; viên chức giữ chức danh nghề nghiệp hạng II (hưởng lương viên chức loại A1), hạng III, hạng IV;”

9. Sửa đổi Điểm a, Khoản 1, Điều 6 như sau:

“a) Quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giải quyết thôi giữ chức vụ quản lý, miễn nhiệm đối với viên chức thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh uỷ, Ban Cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý.”

10. Sửa đổi Điểm a, Khoản 2, Điều 6 như sau:

“a) Tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giải quyết thôi giữ chức vụ quản lý, miễn nhiệm đối với viên chức thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh uỷ, Ban Cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý. Cho ý kiến bổ nhiệm cấp phó các đơn vị sự nghiệp công lập, phó các ban trực thuộc sở, ngành.”

11. Sửa đổi Điểm a, Khoản 4, Điều 6 như sau:

“a) Quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giải quyết thôi giữ chức vụ quản lý, miễn nhiệm đối với viên chức thuộc phạm vi quản lý (trừ những đối tượng thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh uỷ, Ban Cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý).”

12. Sửa đổi Điểm a, Khoản 1, Điều 7 như sau:

“a) Quyết định điều động viên chức giữ chức vụ lãnh đạo đơn vị sự nghiệp công lập thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh uỷ, Ban Cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý.”

13. Sửa đổi Điều 8 như sau:

“Điều 8. Đào tạo, bồi dưỡng

1. Thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

a) Phê duyệt đề án, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng viên chức thuộc diện Ban Cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý;

b) Quyết định cử viên chức thuộc diện Ban Cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý đi đào tạo, bồi dưỡng ở nước ngoài.

2. Thẩm quyền, trách nhiệm của Giám đốc Sở Nội vụ.

a) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt đề án, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng viên chức thuộc diện Ban Cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý; tổ chức thực hiện chế độ đào tạo, bồi dưỡng theo quy định;

b) Thẩm định hồ sơ theo đề nghị của các sở, ban, ngành trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh cử viên chức thuộc diện Ban Cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý đi đào tạo, bồi dưỡng ở nước ngoài;

c) Thanh tra, kiểm tra việc thực hiện chế độ, chính sách đào tạo, bồi dưỡng viên chức theo thẩm quyền.

3. Thẩm quyền, trách nhiệm của Giám đốc sở, Thủ trưởng ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố.

a) Thực hiện các quy định về đào tạo, bồi dưỡng viên chức;

b) Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng viên chức thuộc phạm vi quản lý;

c) Phối hợp với các ngành chức năng và các cơ sở đào tạo tổ chức đào tạo, bồi dưỡng viên chức theo kế hoạch đã được phê duyệt;

d) Quyết định cử viên chức đi đào tạo, bồi dưỡng ở trong nước và ở nước ngoài theo thẩm quyền;

đ) Thanh tra, kiểm tra việc thực hiện chế độ, chính sách đào tạo, bồi dưỡng viên chức thuộc phạm vi quản lý.

4. Thẩm quyền, trách nhiệm của Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh.

a) Thực hiện các quy định về đào tạo, bồi dưỡng viên chức;

b) Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng viên chức thuộc phạm vi quản lý;

c) Quyết định cử viên chức đi đào tạo, bồi dưỡng ở trong nước và ở nước ngoài theo thẩm quyền;

d) Tạo điều kiện để viên chức thực hiện chế độ đào tạo, bồi dưỡng theo quy định.

5. Thẩm quyền, trách nhiệm của Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập chưa được giao quyền tự chủ thuộc sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố.

a) Thực hiện các quy định về đào tạo, bồi dưỡng viên chức;

b) Hàng năm, căn cứ vào nhu cầu của đơn vị xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng viên chức trình cấp có thẩm quyền phê duyệt;

c) Tạo điều kiện để viên chức thực hiện chế độ đào tạo, bồi dưỡng theo quy định.”

14. Sửa đổi Điều 12 như sau:

“Điều 12. Áp dụng đối với việc tuyển dụng và quản lý viên chức ở các đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ, không nằm trong tổng số người làm việc được Hội đồng nhân dân tỉnh giao

Đối với việc tuyển dụng viên chức trong các đơn vị sự nghiệp công lập được giao quyền tự chủ, không nằm trong tổng số người làm việc được Hội đồng nhân dân tỉnh giao, quy định tại Điểm a, Khoản 2 Điều 9 Luật Viên chức: Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập được giao quyền tự chủ căn cứ đề án tự chủ, đề án vị trí việc làm đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, tổng hợp chỉ tiêu, chuyên ngành cần tuyển viên chức, xây dựng Kế hoạch tuyển dụng viên chức gửi Sở Nội vụ phê duyệt và tổ chức thực hiện Kế hoạch sau khi Sở Nội vụ phê duyệt theo quy định của pháp luật. Các nội dung khác về quản lý, sử dụng viên chức phân cấp cho người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập được giao quyền tự chủ thực hiện theo quy định của pháp luật.”

15. Bổ sung Điều 13a như sau:

“Điều 13a. Áp dụng quy định của Quyết định này đối với định suất lao động hợp đồng được Hội đồng nhân dân tỉnh giao

Định suất lao động hợp đồng được Hội đồng nhân dân tỉnh giao: Căn cứ định suất lao động hợp đồng được Hội đồng nhân dân tỉnh giao hằng năm, thủ trưởng các cơ quan được giao quản lý, sử dụng định suất lao động hợp đồng quyết định sử dụng sau khi có văn bản thỏa thuận của Sở Nội vụ về chỉ tiêu định suất lao động hợp đồng được sử dụng. Việc xếp lương, nâng lương và phân công công việc do thủ trưởng các cơ quan được giao quản lý, sử dụng định suất lao động hợp đồng quyết định theo quy định của pháp luật.”

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giám đốc Sở Nội vụ có trách nhiệm triển khai và hướng dẫn các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này.

2. Giám đốc sở, Thủ trưởng các ban, ngành, đơn vị sự nghiệp công lập, các cơ quan, đơn vị có liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố chịu trách nhiệm thực hiện việc quản lý viên chức theo đúng quy định của pháp luật và Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10/10/2018./*tuw*

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Bộ Nội vụ;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Công Báo tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Báo Thái Bình;
- Lưu: VT, NC *ukh*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH**



Đặng Trọng Thăng
Đặng Trọng Thăng